

**TỜ TRÌNH**

**Về việc: Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;*

*Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán;*

*Căn cứ Nghị quyết số 692/NQ-HĐQT ngày 19/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận như sau:

**1. Phân phối lợi nhuận:**

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	21.364.380.838	a
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	72.031.789.421	b
3	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	93.396.170.259	c = (a+b)
4	Trích lập các quỹ từ LNST năm 2023:	33.916.009.518	d = e+f+g
	+ Quỹ đầu tư phát triển (30% LNST)	21.609.536.826	e = (b * 30%)
	+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi. <i>Trong đó:</i>	12.011.615.184	f
	<i>Quỹ khen thưởng</i>	9.011.615.184	
	<i>Quỹ phúc lợi</i>	3.000.000.000	
	+ Quỹ thưởng của viên chức quản lý	294.857.508	g

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	59.480.160.741	$h = c - d$
6	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 47% (tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần)	44.606.952.700	i
	<i>Cổ tức trên mỗi cổ phần (đồng/cp)</i>	4.700	
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2024	14.873.208.041	$j = h - i$

## 2. Thời điểm chi trả cổ tức:

- Ngày chốt danh sách để chia cổ tức: 11/6/2024
- Ngày chi trả cổ tức: bắt đầu từ ngày 11/7/2024

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, Thư ký.



Phạm Hữu Sơn

### TỜ TRÌNH

Về việc: **Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2023 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;*

*Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C - Chi nhánh Nha Trang kiểm toán;*

*Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 692/NQ-HĐQT ngày 19/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán mức chi tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2023 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2024 cụ thể như sau:

**1/ Quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2023:**

**a/ Hội đồng quản trị:**

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:

01 người, mức chi là: 454.707.000 đồng

+ Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

04 người, mức chi là: 300.124.800 đồng

**Tổng cộng: 754.831.800 đồng**

Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi bốn triệu, tám trăm ba mươi một ngàn, tám trăm đồng.

**b/ Ban kiểm soát:**

+ Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

01 người, mức chi là: 382.664.736 đồng

+ Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

01 người, mức chi là: 60.025.200 đồng

**Tổng cộng: 442.689.936 đồng**

Bằng chữ: *Bốn trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi chín ngàn, chín trăm ba mươi sáu đồng.*

**c/ Thư ký công ty:**

01 người, mức chi là: 75.031.200 đồng

Bằng chữ: *Bảy mươi lăm triệu, không trăm ba mươi một ngàn, hai trăm đồng.*

\* Tổng cộng tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty: **1.272.552.936 đồng**

Bằng chữ: *Một tỷ, hai trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm năm mươi hai ngàn, chín trăm ba mươi sáu đồng.*

**2/ Kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2024:**

Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận kính trình Hội đồng quản trị kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2024, cụ thể:

**a/ Hội đồng quản trị:**

+ Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách:

01 người, mức chi là: 379.134.696 đồng

+ Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:

04 người, mức chi là: 250.243.200 đồng

**Tổng cộng: 629.377.896 đồng**

Bằng chữ: *Sáu trăm hai mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi bảy ngàn, tám trăm chín mươi sáu đồng.*

**b/ Ban kiểm soát:**

+ Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách:

01 người, mức chi là: 319.065.852 đồng

+ Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách:

02 người, mức chi là: 100.096.800 đồng

**Tổng cộng: 419.162.652 đồng**

Bằng chữ: *Bốn trăm mười chín triệu, một trăm sáu mươi hai ngàn, sáu trăm năm mươi hai đồng.*

**c/ Thư ký:**

+ Thù lao Thư ký Công ty:

01 người, mức chi là: 62.560.800 đồng

Bằng chữ: *Sáu mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi sáu ngàn, tám trăm đồng.*

\* Tổng cộng tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty: **1.111.101.348 đồng**

Bằng chữ: *Một tỷ, một trăm mười một triệu, một trăm lẻ một ngàn, ba trăm bốn mươi tám đồng.*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



The stamp is a red circular seal. The outer ring contains the text 'U.S.D.N. 4500289' at the top and '10 TRẦN RANG - 1. CHÂM - 1. NHƠN' at the bottom. The inner circle contains the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN'. A handwritten signature in black ink is written over the stamp.

**Phạm Hữu Sơn**

Ninh Thuận, ngày 26 tháng 4 năm 2024

Số: 97/TT-BKS

## **TỜ TRÌNH**

Về việc: lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng;*

*Căn cứ Quyết định số 2559/QĐ-BTC ngày 20/11/2023 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 nhiệm kỳ III (2019-2024), thông qua ngày 27/4/2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 692/NQ-HĐQT ngày 19/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.*

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 như sau:

### **1. Đề xuất về tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:**

- Công ty kiểm toán độc lập có uy tín, được Bộ Tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024;
- Là Công ty có đội ngũ kiểm toán viên trình độ cao, kinh nghiệm lâu năm;
- Có kinh nghiệm đã từng kiểm toán cho các đơn vị cấp nước;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp.

### **2. Đề xuất về lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024:**

Với các tiêu chí lựa chọn nêu trên, Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện lựa chọn một

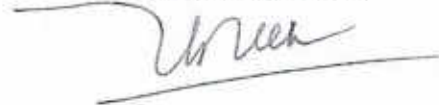
trong các công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện về các tiêu chí nêu trên theo quy định pháp luật và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Lưu: VT, BKS, Thư ký Cty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Bá Bạch Thủy Tiên**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NINH THUẬN  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
Số: 700/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Ninh Thuận, ngày 26 tháng 4 năm 2024

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;*

*Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của ngành, của địa phương liên quan đến lĩnh vực cấp nước;*

*Căn cứ tình hình thực tế, chiến lược và mục tiêu phát triển Công ty;*

*Căn cứ Nghị quyết số 692/NQ-HĐQT ngày 19/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

*(Đính kèm Bảng kế hoạch chi tiết)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**Phạm Hữu Sơn**



**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024**  
(Kèm theo tờ trình số 700/TT-HDQT ngày 26/4/2024)

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch Quý năm 2024					Cộng 2024	Ghi chú
				Quý I/2024	Quý II/2024	Quý III/2024	Quý IV/2024			
<b>I</b>	<b>SẢN XUẤT - KINH DOANH</b>									
<b>1</b>	<b>Nước ghi thu</b>		<b>22.793.978</b>	<b>5.335.547</b>	<b>5.933.858</b>	<b>6.112.020</b>	<b>5.654.938</b>	<b>23.036.363</b>		
	+ M <sup>3</sup> nước ghi thu	m <sup>3</sup>	20.410.401	4.790.341	5.328.384	5.457.491	5.038.289	20.614.505		
	+ M <sup>3</sup> nước cung cấp DMH	m <sup>3</sup>	1.878.334	427.872	476.819	511.446	490.372	1.906.509		
	+ M3 Sơn Hải	m <sup>3</sup>	505.243	117.334	128.655	143.083	126.277	515.349		
<b>2</b>	<b>Doanh thu</b>		<b>214.160</b>	<b>48.674</b>	<b>53.471</b>	<b>54.934</b>	<b>50.695</b>	<b>207.774</b>		
	+ Doanh thu nước ghi thu	tr đ	178.502	41.890	46.595	47.724	44.058	180.267		
	+ Doanh thu nước cung cấp DMH	tr đ	11.270	2.567	2.861	3.069	2.942	11.439		Tính giá 6.000 đ (chưa VAT)
	+ Doanh thu nước Sơn Hải	tr đ	4.399	1.022	1.120	1.246	1.100	4.488		
	+ Doanh thu lắp đặt hoàn thành	tr đ	6.188	1.250	1.250	1.250	1.250	5.000		
	+ Doanh thu lắp đặt hoàn thành Sơn Hải	tr đ	179	50	50	50	50	200		
	+ Doanh thu tài chính	tr đ	12.708	1.800	1.500	1.500	1.200	6.000		
	+ Doanh thu khác	tr đ	914	95	95	95	95	380		
<b>3</b>	<b>Chi phí</b>		<b>133.065</b>	<b>35.024</b>	<b>37.252</b>	<b>37.567</b>	<b>37.212</b>	<b>147.055</b>		
<b>3.1</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>	tr đ	<b>118.910</b>	<b>29.730</b>	<b>31.993</b>	<b>32.374</b>	<b>31.966</b>	<b>126.063</b>		
	+ Chi phí vật tư trực tiếp	tr đ	58.046	13.974	15.541	16.007	14.810	60.332		

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch Quý năm 2024				Ghi chú	
				Quý I/2024	Quý II/2024	Quý III/2024	Quý IV/2024		Cộng 2024
	+ Chi phí nhân công	tr đ	25.049	6.820	6.820	6.820	6.820	27.280	
	+ BHXH + BHYT + BHTN	tr đ	4.338	1.174	1.174	1.174	1.174	4.696	
	+ Ăn ca	tr đ	2.165	581	581	581	581	2.324	
	+ Kinh phí CD	tr đ	404	105	105	105	105	420	
	+ Khấu hao TSCĐ	tr đ	24.421	5.808	6.361	6.234	7.132	25.535	
	+ Chi phí sản xuất chung	tr đ	4.487	1.268	1.411	1.453	1.344	5.476	
3.2	<b>Chi phí tài chính</b>	<b>tr đ</b>	<b>4.336</b>	<b>930</b>	<b>889</b>	<b>824</b>	<b>790</b>	<b>3.433</b>	
3.3	<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>tr đ</b>	<b>4.728</b>	<b>1.410</b>	<b>1.411</b>	<b>1.412</b>	<b>1.412</b>	<b>5.645</b>	
	+ Chi phí nhân công	tr đ	871	325	325	325	325	1.300	
	+ Chi phí nguyên vật liệu	tr đ	2.521	698	699	699	699	2.795	
	+ Chi phí khác	tr đ	1.336	387	387	388	388	1.550	
3.4	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>tr đ</b>	<b>4.878</b>	<b>2.864</b>	<b>2.869</b>	<b>2.867</b>	<b>2.954</b>	<b>11.554</b>	
	+ Chi phí nhân công	tr đ	2.719	579	579	580	580	2.318	
	+ BHXH + BHYT + BHTN	tr đ	295	77	78	78	78	311	
	+ Ăn ca	tr đ	52	13	13	13	14	53	
	+ Kinh phí CD	tr đ	27	7	7	7	7	28	
	+ Kinh phí Đảng bộ	tr đ	56	17	21	18	94	150	
	+ Chi phí khấu hao TS	tr đ	501	126	126	126	136	514	
	+ Chi phí khác	tr đ	1.228	2.045	2.045	2.045	2.045	8.180	
3.5	<b>Chi phí khác</b>	<b>tr đ</b>	<b>213</b>	<b>90</b>	<b>90</b>	<b>90</b>	<b>90</b>	<b>360</b>	
4	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>tr đ</b>	<b>81.095</b>	<b>13.650</b>	<b>16.219</b>	<b>17.367</b>	<b>13.483</b>	<b>60.719</b>	
5	<b>Thuế TNDN</b>	<b>tr đ</b>	<b>9.064</b>	<b>1.526</b>	<b>1.813</b>	<b>1.941</b>	<b>1.507</b>	<b>6.787</b>	
6	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>tr đ</b>	<b>72.031</b>	<b>12.124</b>	<b>14.406</b>	<b>15.426</b>	<b>11.976</b>	<b>53.932</b>	

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch Quý năm 2024				Cộng 2024	Ghi chú
				Quý I/2024	Quý II/2024	Quý III/2024	Quý IV/2024		
<b>II</b>	<b>TÀI CHÍNH</b>								
<b>1</b>	<b>Vốn điều lệ</b>	tr đ	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	
<b>2</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	tr đ	256.751	200.308	214.714	251.749	263.725	263.725	
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Vốn góp của chủ sở hữu	tr đ	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	
	+ Thặng dư vốn cổ phần	tr đ	1.965	1.965	1.965	1.965	1.965	1.965	
	+ Quỹ đầu tư phát triển	tr đ	76.438	76.438	76.438	98.047	98.047	98.047	
	+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	tr đ	83.440	26.997	41.403	56.829	68.805	68.805	
<b>3</b>	<b>Các khoản thuế, phí phải nộp</b>	tr đ	28.323	4.740	5.616	5.479	5.149	20.984	
	<i>Trong đó:</i>	tr đ							
<b>3.1</b>	<b>Các khoản nộp NSNN</b>	tr đ	20.437	2.885	3.555	3.366	3.198	13.004	
	+ Thuế TNDN	tr đ	11.489	1.526	1.813	1.941	1.507	6.787	
	+ Thuế GTGT	tr đ	5.747	750	750	750	750	3.000	
	+ Thuế tài nguyên	tr đ	44	9	9	9	9	36	
	+ Quyền khai thác nước NMN Thấp Châm	tr đ	825	50	363	50	363	826	
	+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	tr đ	20	-	19	-	-	19	
	+ Thuế môn bài	tr đ	9	9	-	-	-	9	
	+ Phí BVMTĐVNTSH	tr đ	2.303	541	601	616	569	2.327	
<b>3.2</b>	<b>Các khoản phí, dịch vụ khác</b>	tr đ	7.886	1.855	2.061	2.113	1.951	7.980	
	+ Phí NTCN	tr đ	8	4	1	1	1	7	
	+ Phí DV MT rừng	tr đ	1.169	277	309	318	294	1.198	
	+ Dịch vụ thoát nước	tr đ	6.709	1.574	1.751	1.794	1.656	6.775	

STT	Chi tiêu	DVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch Quý năm 2024					Ghi chú
				Quý I/2024	Quý II/2024	Quý III/2024	Quý IV/2024	Cộng 2024	
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	76%	13%	15%	16%	13%	57%	
5	Số tiền phải trả vốn và lãi vay	tr đ	19.565	-	9.442	-	8.357	17.799	
<b>III</b>	<b>PHÂN CHIA LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>								
1	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	tr đ	21.364					14.873	
2	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	tr đ	72.031					53.932	
3	Quỹ đầu tư phát triển	tr đ	21.609					16.180	
4	Quỹ khen thưởng	tr đ	9.011					5.145	
5	Quỹ phúc lợi	tr đ	3.000					2.000	
6	Quỹ thưởng viên chức quản lý	tr đ	295					164	
7	Chi cổ tức	tr đ	44.607					37.963	
8	Lợi nhuận để lại	tr đ	14.873					7.353	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THỤẬN

TM-HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Hữu Sơn



**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 05 NĂM NHIỆM KỶ IV (2024-2029)**

(Kèm theo tờ trình số 701/TT-HĐQT ngày 26/4/2024)

STT	Chi tiêu	ĐVT	TH 2023	KH 2024	KH 2025	KH 2026	KH 2027	KH 2028	Ghi chú
<b>1</b>	<b>SẢN XUẤT - KINH DOANH</b>								
<b>1</b>	<b>Nước ghi thu</b>		<b>22.793.978</b>	<b>23.036.363</b>	<b>23.266.726</b>	<b>23.615.728</b>	<b>23.969.964</b>	<b>24.449.362</b>	
	+ M <sup>3</sup> nước ghi thu	m <sup>3</sup>	20.410.401	20.614.505	20.820.650	21.132.960	21.449.954	21.878.953	
	+ M <sup>3</sup> nước cung cấp ĐMH	m <sup>3</sup>	1.878.334	1.906.509	1.925.574	1.954.458	1.983.775	2.023.450	
	+ M3 Sơn Hải	m <sup>3</sup>	505.243	515.349	520.502	528.310	536.235	546.959	
<b>2</b>	<b>Doanh thu</b>		<b>214.160</b>	<b>207.774</b>	<b>207.738</b>	<b>206.767</b>	<b>209.789</b>	<b>213.881</b>	
	+ Doanh thu nước ghi thu	tr đ	178.502	180.267	182.069	184.800	187.572	191.324	Tính giá 6.000 đ (chưa VAT)
	+ Doanh thu nước cung cấp ĐMH	tr đ	11.270	11.439	11.553	11.727	11.903	12.141	
	+ Doanh thu nước Sơn Hải	tr đ	4.399	4.488	4.532	4.600	4.669	4.763	
	+ Doanh thu lắp đặt hoàn thành	tr đ	6.188	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	
	+ Doanh thu lắp đặt hoàn thành Sơn Hải	tr đ	179	200	200	200	200	200	
	+ Doanh thu tài chính	tr đ	12.708	6.000	4.000	50	50	50	
	+ Doanh thu khác	tr đ	914	380	384	390	395	403	
<b>3</b>	<b>Chi phí</b>		<b>133.065</b>	<b>147.055</b>	<b>155.316</b>	<b>169.007</b>	<b>184.013</b>	<b>179.016</b>	
<b>3.1</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>	tr đ	<b>118.910</b>	<b>126.063</b>	<b>132.944</b>	<b>143.090</b>	<b>157.567</b>	<b>154.281</b>	
	+ Chi phí vật tư trực tiếp	tr đ	58.046	60.332	63.843	66.519	67.198	66.882	

STT	Chi tiêu	ĐVT	TH 2023	KH 2024	KH 2025	KH 2026	KH 2027	KH 2028	Ghi chú
	+ Chi phí nhân công	tr đ	25.049	27.280	27.920	29.640	31.361	32.586	
	+ BHXH + BHYT + BHTN	tr đ	4.338	4.696	4.929	5.175	5.434	5.706	
	+ Ăn ca	tr đ	2.165	2.324	2.442	2.564	2.692	2.827	
	+ Kinh phí CD	tr đ	404	420	441	463	486	511	
	+ Khấu hao TSCĐ	tr đ	24.421	25.535	27.829	33.143	44.763	40.088	
	+ Chi phí sản xuất chung	tr đ	4.487	5.476	5.540	5.586	5.633	5.681	
<b>3.2</b>	<b>Chi phí tài chính</b>	<b>tr đ</b>	<b>4.336</b>	<b>3.433</b>	<b>5.268</b>	<b>9.098</b>	<b>9.875</b>	<b>7.728</b>	
<b>3.3</b>	<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>tr đ</b>	<b>4.728</b>	<b>5.645</b>	<b>5.702</b>	<b>5.758</b>	<b>5.816</b>	<b>5.874</b>	
	+ Chi phí nhân công	tr đ	871	1.300	1.313	1.326	1.339	1.353	
	+ Chi phí nguyên vật liệu	tr đ	2.521	2.795	2.823	2.851	2.880	2.908	
	+ Chi phí khác	tr đ	1.336	1.550	1.566	1.581	1.597	1.613	
<b>3.4</b>	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>tr đ</b>	<b>4.878</b>	<b>11.554</b>	<b>11.042</b>	<b>10.701</b>	<b>10.395</b>	<b>10.773</b>	
	+ Chi phí nhân công	tr đ	2.719	2.318	2.119	1.783	1.517	1.821	
	+ BHXH + BHYT + BHTN	tr đ	295	311	326	342	359	377	
	+ Ăn ca	tr đ	52	53	53	53	53	53	
	+ Kinh phí CD	tr đ	27	28	30	32	33	35	
	+ Kinh phí Đảng bộ	tr đ	56	150	100	110	120	169	
	+ Chi phí khấu hao TS	tr đ	501	514	512	441	334	294	
	+ Chi phí khác	tr đ	1.228	8.180	7.902	7.940	7.979	8.024	
<b>3.5</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>tr đ</b>	<b>213</b>	<b>360</b>	<b>360</b>	<b>360</b>	<b>360</b>	<b>360</b>	
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>tr đ</b>	<b>81.095</b>	<b>60.719</b>	<b>52.422</b>	<b>37.760</b>	<b>25.776</b>	<b>34.865</b>	
<b>5</b>	<b>Thuế TNDN</b>	<b>tr đ</b>	<b>9.064</b>	<b>6.787</b>	<b>5.859</b>	<b>4.220</b>	<b>2.881</b>	<b>3.897</b>	
<b>6</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>tr đ</b>	<b>72.031</b>	<b>53.932</b>	<b>46.563</b>	<b>33.540</b>	<b>22.895</b>	<b>30.968</b>	

STT	Chi tiêu	ĐVT	TH 2023	KH 2024	KH 2025	KH 2026	KH 2027	KH 2028	Ghi chú
II	<b>TÀI CHÍNH</b>								
1	Vốn điều lệ	tr đ	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	
2	Vốn chủ sở hữu	tr đ	256.751	263.725	265.017	265.473	265.316	280.408	
	<i>Trong đó:</i>								
	+ Vốn góp của chủ sở hữu	tr đ	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	94.908	
	+ Thặng dư vốn cổ phần	tr đ	1.965	1.965	1.965	1.965	1.965	1.965	
	+ Quỹ đầu tư phát triển	tr đ	76.438	98.047	114.227	128.196	138.258	145.126	
	+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	tr đ	83.440	68.805	53.916	40.404	30.185	38.409	
3	Các khoản thuế, phí phải nộp	tr đ	28.323	20.984	20.177	18.695	17.513	18.744	
	<i>Trong đó:</i>	tr đ							
3.1	Các khoản nộp NSNN	tr đ	20.437	13.004	12.116	10.513	9.209	10.274	
	+ Thuế TNDN	tr đ	11.489	6.787	5.859	4.220	2.881	3.897	
	+ Thuế GTGT	tr đ	5.747	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	
	+ Thuế tài nguyên	tr đ	44	36	37	37	37	37	
	+ Quyền khai thác nước NMMN Tân Sơn	tr đ	-	-	18	18	18	18	
	+ Quyền khai thác nước NMMN Tháp Chàm	tr đ	825	826	825	825	825	825	
	+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	tr đ	20	19	19	19	19	19	
	+ Thuế môn bài	tr đ	9	9	9	9	9	9	
	+ Phí BVMTĐVNTSH	tr đ	2.303	2.327	2.349	2.385	2.420	2.469	
3.2	Các khoản phí, dịch vụ khác	tr đ	7.886	7.980	8.061	8.182	8.304	8.470	
	+ Phí NTCN	tr đ	8	7	8	8	8	8	
	+ Phí DV MT rừng	tr đ	1.169	1.198	1.210	1.228	1.246	1.271	
	+ Dịch vụ thoát nước	tr đ	6.709	6.775	6.843	6.946	7.050	7.191	



STT	Chi tiêu	ĐVT	TH 2023	KH 2024	KH 2025	KH 2026	KH 2027	KH 2028	Ghi chú
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	76%	57%	49%	35%	24%	33%	
5	Số tiền phải trả vốn và lãi vay	tr đ	19.565	17.799	18.771	22.601	35.851	26.953	
<b>III PHÂN CHIA LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>									
1	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	tr đ	21.364	14.873	7.353	6.864	7.290	7.442	
2	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	tr đ	72.031	53.932	46.563	33.540	22.895	30.968	
3	Quỹ đầu tư phát triển	tr đ	21.609	16.180	13.969	10.062	6.868	9.290	
4	Quỹ khen thưởng	tr đ	9.011	5.145	5.308	5.741	6.175	6.485	
5	Quỹ phúc lợi	tr đ	3.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	
6	Quỹ thưởng viên chức quản lý	tr đ	295	164	150	126	107	129	
7	Chi cổ tức	tr đ	44.607	37.963	25.625	15.185	7.593	13.287	
8	Lợi nhuận để lại	tr đ	14.873	7.353	6.864	7.290	7.442	7.218	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THỤẬN

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Hữu Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NINH THUẬN  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
Số: 702/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Ninh Thuận, ngày 26 tháng 4 năm 2023

**TỜ TRÌNH**

**Về việc: Kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2024**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;*

*Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của ngành, địa phương liên quan đến lĩnh vực cấp nước;*

*Căn cứ tình hình thực tế, chiến lược và mục tiêu phát triển Công ty;*

*Căn cứ Nghị quyết số 692/NQ-HĐQT ngày 19/4/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch mua sắm và đầu tư Xây dựng cơ bản năm 2024.

*(Đính kèm Bảng kế hoạch chi tiết)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Phạm Hữu Sơn**

KẾ HOẠCH MUA SẮM VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2024  
(Kèm theo Tờ trình số 702/TTr-HĐQT ngày 26/4/2024)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2024	Kế hoạch năm 2024				Cộng năm 2024	Kế hoạch bổ tri vốn năm 2024
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
A	Kế hoạch Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 chuyển qua	đồng	1.170.076.839	42.399.342.774	20.422.187.433	-	17.427.155.341	4.550.000.000	42.399.342.774	23.932.145.420
I	Dự án Cải tạo và nâng cấp NMN Tháp Chàm từ 52.000 m <sup>3</sup> /ngày lên 120.000 m <sup>3</sup> /ngày	đồng	-	8.350.000.000	-	-	3.800.000.000	4.550.000.000	8.350.000.000	4.175.000.000
I	Công trình trạm bơm nước thô: Đường ống công nghệ; Máy bơm Q=2.500 m <sup>3</sup> /h, H=25 mét; Cải tạo tủ điện, cáp điện và máng cáp	đồng	-	3.800.000.000	-	-	3.800.000.000	-	3.800.000.000	-
2	Đường ống nước thô D700	đồng	-	4.550.000.000	-	-	-	4.550.000.000	4.550.000.000	-
II	Xây dựng trạm bơm tăng áp Phan Rang số 2 cấp nước cho khu công nghiệp Du Long và các vùng trọng điểm đang phát triển	đồng	811.024.904	28.584.394.709	14.957.239.368	-	13.627.155.341	-	28.584.394.709	14.292.197.355
1	Chi phí tư vấn; chi phí khác; chi phí giải phóng mặt bằng...	đồng	811.024.904	3.505.996.430	3.505.996.430	-	-	-	-	-
2	Sàn nền	đồng	-	1.799.759.796	1.799.759.796	-	-	-	-	-
3	Sân đường	đồng	-	1.733.232.691	1.733.232.691	-	-	-	-	-
4	Hàng rào	đồng	-	2.130.376.434	2.130.376.434	-	-	-	-	-
5	Thoát nước	đồng	-	3.273.914.701	3.273.914.701	-	-	-	-	-
6	Trạm biến áp và Đường dây trung thế	đồng	-	2.291.633.744	2.291.633.744	-	-	-	-	-
7	Bể chứa	đồng	-	13.627.155.341	13.627.155.341	-	-	-	-	-
8	Điện chiếu sáng ngoài trời	đồng	-	222.325.572	222.325.572	-	-	-	-	-
III	Lập dự án nâng công suất Nhà máy nước Tân Sơn lên 10.000m <sup>3</sup> /ngày đến	đồng	268.020.986	231.979.014	231.979.014	-	-	-	231.979.014	231.979.014
I	Chi phí tư vấn; chi phí khác; chi phí giải phóng mặt bằng...	đồng	268.020.986	231.979.014	231.979.014	-	-	-	-	-
IV	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc Nhà máy nước	đồng	91.030.949	3.238.969.051	3.238.969.051	-	-	-	3.238.969.051	3.238.969.051
I	Nhà máy nước Tháp Chàm	đồng	-	1.080.000.000	1.080.000.000	-	-	-	1.080.000.000	1.080.000.000
I.1	Sơn sửa khối nhà làm việc, sơn sửa hàng rào NMN Tháp Chàm và sơn sửa hàng rào Trạm bơm tầng áp Phan Rang	đồng	-	580.000.000	580.000.000	-	-	-	-	-
I.2	Cải tạo sân nền, thoát nước, sơn sửa hàng rào trạm bơm tầng áp Phan Rang	đồng	-	420.000.000	420.000.000	-	-	-	-	-
I.3	Thay tôn cum lọc bể lọc số 1,2,3,4 khu xử lý 40.000 m <sup>3</sup> /ngày	đồng	-	80.000.000	80.000.000	-	-	-	-	-

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2024	Kế hoạch năm 2024				Công năm 2024	Kế hoạch bố trí vốn năm 2024
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
2	Nhà máy nước Phước Điền	đồng	91.030.949	2.158.969.051	2.158.969.051	-	-	-	2.158.969.051	
2.1	Thay bơm Trạm bơm nước sạch Nhà máy nước Phước Điền	đồng	91.030.949	1.908.969.051	-	-	-	-		
2.2	Quét vôi tương rào Trạm giao dịch Cà Ná, Sơn sửa tương bơm trục nhà lam việc Trạm bơm Cà Ná	đồng		250.000.000	-	-	-	-		
V	Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, máy móc, công nghệ	đồng	-	1.994.000.000	-	-	-	-	1.994.000.000	1.994.000.000
1	Nhà máy nước Tháp Chàm	đồng	-	550.000.000	550.000.000	-	-	-	550.000.000	
1.1	Thay đồng hồ châu hơi chất PAC	đồng		100.000.000	100.000.000					
1.2	Trang bị hệ thống đo độ đục online và cảm biến mức nước tại NMN Tháp Chàm	đồng		450.000.000	450.000.000					
2	Mua đồng hồ đo lưu lượng cho các nhà máy nước	đồng		1.444.000.000	1.444.000.000				1.444.000.000	-
2.1	Trang bị đồng hồ đo lưu lượng phục vụ công tác phân vùng tách mạng - NMN Tân Sơn	đồng		600.000.000	600.000.000					
2.2	Trang bị thay thế đồng hồ đo lưu lượng cũ khu vực Trại Giảng Giảng Sơn	đồng		350.000.000	350.000.000					
2.3	Đồng hồ lưu lượng D300 Trạm bơm tầng áp Phan Rang	đồng		247.000.000	247.000.000					
2.4	Đồng hồ lưu lượng D300 Trạm bơm tầng áp Khánh Nhơn	đồng		247.000.000	247.000.000					
B	Kế hoạch Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024	đồng	-	14.198.750.595	39.049.434.539	22.497.765.539	4.308.919.988	80.054.870.661	69.421.464.513	
1	Dự án Cải tạo và nâng cấp NMN Tháp Chàm từ 52.000 m <sup>3</sup> /ngày lên 120.000 m <sup>3</sup> /ngày	đồng	-	-	-	20.134.385.000	-	20.134.385.000	10.067.192.500	
1	Chi phí tư vấn; chi phí khác; chi phí giải phóng mặt bằng...	đồng				2.000.000.000		2.000.000.000		
2	Trạm bơm nước sạch					9.899.000.000		9.899.000.000		
2.1	Bơm cấp Phan Rang (Máy bơm trục đứng Q=1.500 m <sup>3</sup> /h, H=45 mét và đường ống công nghệ)	đồng				2.599.000.000				
2.2	Bơm cấp Phước Điền (Máy bơm trục đứng Q=560 m <sup>3</sup> /h, H=45 mét và đường ống công nghệ)	đồng				2.236.000.000				
2.3	Bơm cấp Tháp Chàm (Máy bơm trục đứng Q=1600 m <sup>3</sup> /h, H=45 mét và đường ống công nghệ)	đồng				5.064.000.000				
3	Điện động lực & Điện khiển	đồng				7.810.000.000			7.810.000.000	
3.1	Trạm bơm nước Sạch (Cải tạo tủ điện, cấp điện, nâng cấp, Tủ điện biến tần và máy phát điện)	đồng				7.810.000.000				
4	Công trình xử lý bùn	đồng				425.385.000			425.385.000	
4.1	Hàng rào Kém gạt tự động	đồng				425.385.000				

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2024	Kế hoạch năm 2024				Cộng năm 2024	Kế hoạch bổ trứ vốn năm 2024
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
II	Lắp dự án nâng công suất Nhà máy nước Tân Sơn lên 10.000m <sup>3</sup> /ngày đêm.	đồng			479.187.847	-	-	653.239.449	1.132.427.296	566.213.648
1	Chi phí tư vấn (Lập BCNCKT, QLDA, ĐTM, KTNM, Thẩm tra thiết kế cơ sở)				479.187.847			-		
2	Chi phí Thiết kế bản vẽ thi công dự toán				-			597.613.014		
3	Chi phí thẩm tra bản vẽ thi công dự toán				-			55.626.435		
III	Dự án Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt khu vực huyện Ninh Phước – Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận	đồng				34.339.254.000			34.339.254.000	34.339.254.000
IV	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc Nhà máy nước và văn phòng công ty	đồng			5.398.932.209	-	-	-	5.398.932.209	5.398.932.209
I	Nhà máy nước Tháp Chàm	đồng			2.013.061.195	-	-	-	2.013.061.195	
1.1	Sửa chữa và sơn công, hàng rào Trạm bơm cấp I	đồng			76.185.874					
1.2	Sửa chữa và sơn lại lan can khu xử lý 40.000 m <sup>2</sup> /ngđ	đồng			69.673.485					
1.3	Xử lý chống thấm các bể chứa thuộc NMIN Tháp Chàm	đồng			750.000.000					
1.4	Cải tạo khuôn viên và sửa chữa nhà vệ sinh, sơn nước trạm bơm tăng áp Phan Rang	đồng			408.317.700					
1.5	Sơn lại Trạm tăng áp Đồng Mỹ Hải	đồng			69.673.485					
1.6	Sơn trạm bơm Khánh Nhơn, quét vôi tường rào Trạm tăng áp Khánh Nhơn	đồng			89.210.651					
1.7	Nâng công suất máy bơm số 3 Trạm tăng áp Phan Rang truyền tải đi Trạm tăng áp Đồng Mỹ Hải	đồng			550.000.000					
2	Nhà máy nước Phước Dân	đồng			2.120.000.000	-	-	-	2.120.000.000	
2.1	Thay bơm Trạm bơm nước sạch Nhà máy nước Phước Dân	đồng			2.000.000.000					
2.2	Sơn mới và chống thấm phòng vận hành Nhà máy nước Phước Dân	đồng			120.000.000					
3	Nhà máy nước Tân Sơn	đồng			265.871.014	-	-	-	265.871.014	
3.1	Sơn sơn khu nhà kho, nhà hóa chất, bếp ăn, khu vực phòng máy và tường rào xung quanh trạm bơm cấp II; Tường rào, phòng bảo vệ và nhà kho trạm bơm cấp I	đồng			145.871.014					
3.2	Chống thấm toàn bộ phía trong bể chứa 1.000m <sup>3</sup>	đồng			120.000.000					
4	Xây mới phòng giao dịch và tường rào mặt trước văn phòng Công ty	đồng			1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000	
V	Lắp đặt DMA phục vụ công tác phân vùng tách mạng, chống thất thoát các nhà máy nước	đồng			3.214.050.000	3.413.600.000	1.366.800.000	2.659.100.000	10.653.550.000	10.653.550.000

STT	Chi tiêu	DVYT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2024	Kế hoạch năm 2024				Tổng năm 2024	Kế hoạch bổ tri vốn năm 2024
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
1	Khu vực Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Hải	đồng			986.850.000	2.563.600.000	516.800.000	1.341.600.000	5.408.850.000	
1.1	Triển khai CTT khu vực PR DMA 9	đồng			986.850.000					
1.2	Triển khai CTT khu vực Phan Rang DMA 10	đồng				986.850.000				
1.3	Triển khai CTT khu vực Phan Rang DMA 15	đồng				1.576.750.000				
1.4	Triển khai CTT khu vực Tháp Chàm DMA 1	đồng					516.800.000			
1.4	Triển khai CTT khu vực Tháp Chàm DMA 2	đồng						818.720.000		
1.4	Triển khai CTT khu vực Tháp Chàm DMA 3	đồng						522.880.000		
2	Khu vực Ninh Phước - Thuận Nam	đồng			863.600.000	425.000.000	-	850.000.000	2.138.600.000	
2.1	Thiết lập phân vùng tách mạng DMA Bầu Trúc 1	đồng			863.600.000					
2.2	Thiết lập phân vùng tách mạng DMA Chung Mỹ	đồng				425.000.000				
2.3	Thiết lập phân vùng tách mạng DMA Mỹ Nghiệp	đồng						850.000.000		
3	Khu vực Ninh Sơn	đồng			863.600.000	425.000.000	850.000.000	467.500.000	2.606.100.000	
3.1	Vùng Tam Anh đến nghĩa trang Hành Trì (DMA01)	đồng			863.600.000					
3.2	Vùng Mỹ Liên đến Suối Mỏn (DMA02)	đồng				425.000.000				
3.3	Vùng Nguyễn Trường Tô đến hết Trà Giang (KP6 và 1 phần Trà Giang 3 xã Lương Sơn) (DMA03)	đồng					850.000.000			
3.4	Vùng Tân Sơn A đến hết trà Giang (KP1 và 1 phần Trà Giang 3 xã Lương Sơn) (DMA04)	đồng						467.500.000		
4	Chi phí tư vấn lập dự án giảm thất thoát các khu vực	đồng			500.000.000	-	-	-	500.000.000	
V1	Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, máy móc, công nghệ	đồng			4.110.000.000	300.000.000	-	-	4.410.000.000	4.410.000.000
1	Các nhà máy nước	đồng			3.110.000.000	-	-	-	3.110.000.000	
1.1	Thay thế đồng hồ lưu lượng D 600 truyền tải đi Trạm tăng áp Phan Rang	đồng			660.000.000					
2	Mua mới máy bơm hướng gao T10 trạm 2 NMN Tháp Chàm	đồng			1.000.000.000					
1.3	Trang bị thiết bị phục vụ công tác hòa nghiệm của các nhà máy (Máy đo độ đục cảm tay NMN Tháp Chàm và NMN Tân Sơn)	đồng			150.000.000					
1.4	Mua thiết bị truyền động điều khiển van bơm D 300 bơm số 3 Trạm bơm tăng áp Phan Rang truyền tải đi Đồng Mỹ Hải	đồng			300.000.000					
1.5	Mua bộ sung khởi động mềm 160KW Đồng Mỹ Hải	đồng			200.000.000					
1.6	Sửa chữa, thay thế hệ thống PLC của bể lọc khu xử lý 40.000 m3/ngày đêm NMN Tháp Chàm	đồng			500.000.000					

STT	Chi tiêu	DVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch đầu tư chuyển tiếp qua năm 2024	Kế hoạch năm 2024				Cộng năm 2024	Kế hoạch bổ trợ vốn năm 2024
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
1.7	Trung bị sửa chữa màn hình trung tâm SC1000 NMN Tháp Chàm	đồng			300.000.000					
2	Chống thất thoát nước				1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000	
2.1	Thiết bị phục vụ giảm thất thoát khu vực Phan Rang - Tháp Chàm - Ninh Hải	đồng			500.000.000					
2.2	Thiết bị phục vụ giảm thất thoát khu vực Ninh Phước - Thuận Nam	đồng			250.000.000					
2.3	Thiết bị phục vụ giảm thất thoát khu vực Ninh Sơn	đồng			250.000.000					
3	Thiết bị máy chủ của phòng IT				-	300.000.000	-	-	300.000.000	
VII	Mở rộng và cải tạo sửa chữa tuyến ống các khu vực	đồng			450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
I	Mở rộng tuyến ống các khu vực	đồng			200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000	800.000.000	
1.1	Khu vực Phan Rang, Tháp Chàm, Thuận Nam, Ninh Phước, Ninh Hải, Ninh Sơn.	đồng			200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000		
2	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống các khu vực	đồng			250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000	1.000.000.000	
2.1	Khu vực Phan Rang, Tháp Chàm, Thuận Nam, Ninh Phước, Ninh Hải, Ninh Sơn.	đồng			250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000		
VIII	Đầu tư lắp mới trụ cấu hoá các khu vực	đồng			546.580.539	546.580.539	546.580.539	546.580.539	2.186.322.156	2.186.322.156
3.1	36 trụ				546.580.539	546.580.539	546.580.539	546.580.539	2.186.322.156	
C	Kinh phí dự phòng (sử dụng cho trượt giá và tăng khối lượng)	đồng			350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000
1	Dự phòng Năng cấp, sửa chữa, cải tạo các Nhà máy nước	đồng			150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	600.000.000	
2	Dự phòng mở rộng, cải tạo, sửa chữa mạng lưới tuyến ống các khu vực	đồng			50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	200.000.000	
3	Dự phòng sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, máy móc, công nghệ	đồng			150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	600.000.000	
<b>TỔNG CỘNG:</b>					34.970.938.028	39.399.434.539	40.274.920.880	9.208.919.988	123.854.213.435	94.753.609.933

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUAN  
T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CỔ PHẠCH TỊCH  
CẤP NƯỚC  
NINH THUAN



Phạm Hữu Sơn

**TỜ TRÌNH**

Về việc: **Kế hoạch thực hiện các dự án trọng tâm 05 năm  
nhiệm kỳ IV (2024-2029)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần  
7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;*

*Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của ngành, địa  
phương liên quan đến lĩnh vực cấp nước;*

*Căn cứ tình hình thực tế, chiến lược và mục tiêu phát triển Công ty;*

*Căn cứ Nghị quyết số 692/NQ-HĐQT ngày 19/4/2024 của Hội đồng quản  
trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận về việc thông qua các nội dung trình  
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế  
hoạch thực hiện các dự án trọng tâm 05 năm nhiệm kỳ IV (2024-2029), cụ thể  
như sau:

**A. Dự án, công trình thực hiện đầu tư:**

**I. Tiếp tục thực hiện các dự án thuộc Kế hoạch mua sắm và đầu tư xây  
dựng cơ bản năm 2023 chuyển qua:**

1. Dự án Cải tạo và nâng cấp NMN Tháp Chàm từ 52.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm lên  
120.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
2. Xây dựng trạm bơm tăng áp Phan Rang số 2 cấp nước cho khu công  
nghiệp Du Long và các vùng trọng điểm đang phát triển.
3. Dự án nâng công suất Nhà máy nước Tân Sơn lên 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**II. Dự án, công trình thực hiện năm 2024 – 2029:**

1. Dự án đầu tư, nâng cấp hệ thống cấp nước:

1.1 Tuyến ống cấp nước D400 từ khu Công Nghiệp Phước Nam tới ngã ba  
Đốc Hàm thuộc xã Cà Ná (10,6 km ống HDPE D400);

1.2 Dự án xây dựng tuyến ống truyền tải song song QL27 từ nhà máy nước  
Tân Sơn đến tuyến đường liên thôn khu vực xã Quảng Sơn (3,7 km ống HDPE  
D300);



1.3 Tuyến ống cấp nước D150 đường 710 gần ngã ba đường mới đi Từ Tâm - Phú Thọ đến cầu Hòa thủy, thôn Từ Tâm 1 (2,6 km ống HDPE D160);

1.4 Nâng công suất trạm bơm tăng áp Đông Mỹ Hải;

1.5 Dự án giảm thất thoát các khu vực thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, huyện Ninh Hải, huyện Ninh Sơn, huyện Ninh Phước, huyện Thuận Nam;

1.6 Dự án Mở rộng mạng lưới cấp nước các khu vực thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, huyện Ninh Hải, huyện Ninh Sơn, huyện Ninh Phước, huyện Thuận Nam.

2. Duy tu, bảo trì, bảo dưỡng các nhà máy xử lý nước và trạm bơm tăng áp.

3. Duy tu, bảo trì, bảo dưỡng Mạng lưới cấp nước khác khu vực thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; huyện Ninh Hải, huyện Ninh Sơn, huyện Ninh Phước, huyện Thuận Nam.

### **B. Nguồn kinh phí thực hiện dự án, công trình:**

Hàng năm, Căn cứ vào hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính thực tế của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, Hội đồng quản trị Công ty sẽ xây dựng Kế hoạch mua sắm và đầu tư xây dựng cơ bản (*chi tiết từng dự án, công trình và kinh phí đầu tư*) trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua để triển khai thực hiện theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT, Thư ký.



**Phạm Hữu Sơn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Số: 704/TTtr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ninh Thuận, ngày 26 tháng 4 năm 2024

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc miễn nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát  
nhiệm kỳ III (2019-2024) và bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát  
nhiệm kỳ IV (2024-2029)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận

*Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;*

*Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;*

*Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định  
chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng  
dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị  
định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi  
hành một số điều của luật chứng khoán;*

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại  
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022,*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:

**I. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nhiệm  
kỳ III (2019 - 2024)**

**1. Thành viên Hội đồng quản trị gồm:**

- |                         |                          |
|-------------------------|--------------------------|
| - Ông Phạm Hữu Sơn      | Chức vụ: Chủ tịch HĐQT   |
| - Ông Đinh Ân           | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| - Ông Đinh Viết Sơn     | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Quốc Quyền | Chức vụ: Thành viên HĐQT |
| - Ông Võ Ngọc Thoại     | Chức vụ: Thành viên HĐQT |

**2. Thành viên Ban kiểm soát gồm:**

- |                        |                         |
|------------------------|-------------------------|
| - Bà Bá Bạch Thủy Tiên | Chức vụ: Trưởng BKS     |
| - Bà Đinh Lê Ngọc Trâm | Chức vụ: Thành viên BKS |

• Thời gian miễn nhiệm HĐQT và BKS kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ  
đông thường niên 2024 thông qua

**II. Thực hiện bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,  
nhiệm kỳ IV (2024 - 2029)**

**1. Thành viên Hội đồng quản trị:**

- Số lượng: 05 người



Mã số tham dự :

Tên cổ đông :



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

**PHIẾU BIỂU QUYẾT**

Số cổ phần biểu quyết:

... CỐ PHẦN

Sở hữu: ... Cổ phần

Ủy quyền: ... Cổ phần

*Quý cổ đông sử dụng Phiếu này để biểu quyết các nội dung tại Đại hội*

Mẫu



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024



THẺ BIỂU QUYẾT

Họ và tên cổ đông: .....

Mã số tham dự: .....

Số lượng cổ phần biểu quyết sở hữu:                      cổ phần

Sau khi nghiên cứu nội dung các Báo cáo, tờ trình tại Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận. Tôi/chúng tôi có ý kiến biểu quyết từng vấn đề như sau:

STT	Nội dung	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023, nhiệm kỳ III (2019 - 2024) và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ IV (2024 - 2029)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động năm 2023; tổng kết nhiệm kỳ III (2019 - 2024) và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ IV (2024 - 2029)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2023, nhiệm kỳ III (2019-2024) và kế hoạch năm 2024, phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ IV (2024-2029) của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Thông qua quyết toán chi tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2023 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

STT	Nội dung	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
7	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9	Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm nhiệm kỳ IV (2024 - 2029)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10	Tờ trình thông qua kế hoạch mua sắm và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11	Tờ trình thông qua kế hoạch thực hiện các dự án trọng tâm 5 năm nhiệm kỳ IV (2024 - 2029)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2024  
**CỔ ĐÔNG/BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Hướng dẫn**

Quý cổ đông đánh dấu (X) vào 1 trong 3 cột, [cột (3) Tán thành hoặc cột (4) Không tán thành hoặc cột (5) Không có ý kiến] đối với từng nội dung biểu quyết và ký, ghi rõ họ tên sau khi hoàn thành.

Trường hợp chưa rõ hoặc cần đổi phiếu khác, vui lòng liên hệ Ban kiểm phiếu.





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024



**PHIẾU BẦU CỬ**  
**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, NHIỆM KỲ IV (2024-2029)**

Họ và tên cổ đông: .....

Mã số tham dự:.....

Số lượng cổ phần biểu quyết sở hữu:                      cổ phần

**Tổng số lượng phiếu bầu thành viên BKS: .... x 3 = ..... phiếu bầu**  
[= số lượng cổ phần biểu quyết sở hữu X 3 (số lượng thành viên bầu BKS)]

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho từng ứng viên hoặc dồn phiếu cho 01 ứng viên (đánh dấu X)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (ghi số phiếu bầu)
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
2			
3			

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2024  
**CỔ ĐÔNG/BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Hướng dẫn**

- Tổng cộng số lượng phiếu bầu cho các ứng viên BKS không được lớn hơn.....số phiếu bầu;
- Cổ đông chỉ bầu số ứng viên tối đa 03 ứng viên BKS.
- Cổ đông chọn 1 trong 2 cách như sau:
  - Cách 1 đánh dấu (X), gồm 2 hình thức ở cột số (3)
    - + Hình thức 1: Số phiếu bầu được chia đều cho từng ứng viên, cổ đông đánh dấu (X) vào tất cả 03 ứng viên ở cột số (3)
    - + Hình thức 2: Số phiếu bầu được dồn hết cho 01 ứng viên, cổ đông đánh dấu (X) vào ứng viên mình chọn ở cột số (3)
  - Cách 2 ghi số phiếu bầu cụ thể cho từng ứng viên ở cột số (4)
- Quý cổ đông ký và ghi rõ họ tên sau khi hoàn thành.  
Trường hợp chưa rõ hoặc cần đổi phiếu khác, vui lòng liên hệ Ban kiểm phiếu.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**SƠ YẾU LÝ LỊCH**  
ỨNG VIÊN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN  
NHIỆM KỶ IV (2024-2029)

1. Họ và tên (chữ in hoa):

2. Giới tính (nam/nữ):

3. Ngày tháng năm sinh:

4. Nơi sinh:

5. Số CCCD/Hộ chiếu:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

6. Quốc tịch:

7. Dân tộc:

8. Quê quán:

9. Địa chỉ thường trú:

10. Nơi ở hiện nay:

11. Số điện thoại liên hệ:

12. Địa chỉ e-mail:

13. Trình độ học vấn:

14. Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Cơ sở đào tạo

15. Quá trình công tác (nêu tóm tắt thời gian, nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

(Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng năm đến tháng năm		

16. Các chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

17. Số cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận đang nắm giữ chốt đến ngày 23/4/2024:

+ Đại diện vốn góp (tên tổ chức) ....., sở hữu: ..... cổ phiếu, chiếm ..... % vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: ..... cổ phiếu, chiếm..... % vốn điều lệ

18. Danh sách người có quan hệ gia đình của người kê khai (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng):

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CCCD/Hộ chiếu/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số lượng cổ phiếu nắm giữ, tỷ lệ	Mối quan hệ
	<b>Cá nhân</b>			
	<b>Tổ chức</b>			

19. Tổng số cổ phần của cổ đông/nhóm cổ đông đề cử: .....

20. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có):

21. Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (nếu có):

22. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (nếu có):

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đầy đủ, chính xác, đúng sự thật và tôi đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ, Quy chế tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, nhiệm kỳ IV (2024-2029)./.

....., ngày .... tháng ... năm .....

**NGƯỜI KÊ KHAI**

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

ỨNG VIÊN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN  
NHIỆM KỶ IV (2024-2029)



1. Họ và tên (chữ in hoa):

2. Giới tính (nam/nữ):

3. Ngày tháng năm sinh:

4. Nơi sinh:

5. Số CCCD/Hộ chiếu:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

6. Quốc tịch:

7. Dân tộc:

8. Quê quán:

9. Địa chỉ thường trú:

10. Nơi ở hiện nay:

11. Số điện thoại liên hệ:

12. Địa chỉ e-mail:

13. Trình độ học vấn:

14. Trình độ chuyên môn:

Bằng cấp	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Cơ sở đào tạo

15. Quá trình công tác (nêu tóm tắt thời gian, nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):

(Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng năm đến tháng năm		

16. Các chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

17. Số cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận đang nắm giữ chốt đến ngày 23/4/2024:

+ Đại diện vốn góp (tên tổ chức) ....., sở hữu: .....cổ phiếu, chiếm ..... % vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: ..... cổ phiếu, chiếm..... % vốn điều lệ

18. Danh sách người có liên quan của người kê khai (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng):

TT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CCCD/Hộ chiếu/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số lượng cổ phiếu nắm giữ, tỷ lệ	Mối quan hệ
	<b>Cá nhân</b>			
	<b>Tổ chức</b>			

19. Tổng số cổ phần của cổ đông/nhóm cổ đông đề cử: .....

20. Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có):

21. Lợi ích liên quan đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (nếu có):

22. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (nếu có):

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đầy đủ, chính xác, đúng sự thật và tôi đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ, Quy chế tham gia đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, nhiệm kỳ IV (2024-2029)/.

....., ngày .... tháng ... năm .....

**NGƯỜI KÊ KHAI**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ninh Thuận, ngày 26 tháng 4 năm 2024

**QUY CHẾ**  
**ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,**  
**BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**  
**NHIỆM KỲ IV (2024-2029)**

**Căn cứ**

*Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;*

*Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;*

*Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;*

*Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;*

*Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận,*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức đề cử, ứng cử và bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2024-2029) của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024.

2. Quy chế được áp dụng đối với tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận theo danh sách chốt ngày 23/4/2024.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ viết tắt**

1. Công ty: Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận.

2. HĐQT: Hội đồng quản trị.

3. BKS: Ban kiểm soát.

4. Cổ đông: Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội.

5. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024**

1. Mỗi cổ đông đến tham dự Đại hội được nhận một phiếu bầu cử Hội đồng quản trị và một phiếu bầu cử Ban kiểm soát; trên phiếu ghi rõ số lượng cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ và số phiếu biểu quyết tương ứng sử dụng để bầu cử.

2. Cổ đông phải tuân thủ các điều kiện và quy định tại quy chế này, theo hướng dẫn của Ban bầu cử và Chủ tọa Đại hội.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, NHIỆM KỲ IV (2024 - 2029)**

**Điều 4. Số lượng, nhiệm kỳ, ứng cử, đề cử, tiêu chuẩn thành viên HĐQT**

1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu là 05 thành viên.

2. Nhiệm kỳ: 5 năm (2024 - 2029).

3. Số lượng ứng cử viên: Không hạn chế.

4. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT (theo Điều 25 Điều lệ Công ty).

a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên HĐQT.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ (tính đến ngày 23/4/2024) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Từ 5% đến dưới 10% được đề cử một (01) ứng viên;

- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;

- Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;

- Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc giới thiệu ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định pháp luật.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT (theo Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020; Khoản 1 Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty)

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- Không được đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa 5 công ty khác;
- Không được là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

#### **Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, ứng cử, đề cử, tiêu chuẩn thành viên BKS**

1. Số lượng thành viên BKS được bầu là 03 thành viên.
2. Nhiệm kỳ: 5 năm (2024 - 2029).
3. Số lượng ứng cử viên: Không hạn chế.
4. Ứng cử, đề cử thành viên BKS (theo Điều 36 Điều lệ Công ty):
  - a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ (tính đến ngày 23/4/2024) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
    - Từ 5% đến dưới 10% được đề cử một (01) ứng viên;
    - Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
    - Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
    - Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
    - Từ 50% đến trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
  - b) Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của BKS. Việc giới thiệu ứng cử viên BKS phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định pháp luật.
5. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS (theo Khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp; Khoản 2 Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty)
  - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
  - Được đào tạo một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Không phải là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và người quản lý khác của Công ty;

- Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;

- Kiểm soát viên Công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.

- Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### **Điều 6. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử bầu vào thành viên HĐQT, BKS**

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử gồm:

- Đơn xin ứng cử; đề cử hoặc nhóm cổ đông đề cử để bầu vào HĐQT, BKS (theo mẫu);

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);

- Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);

- Bản sao công chứng còn hiệu lực các giấy tờ sau: CCCD/Hộ chiếu, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

2. Thời gian gửi hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử

Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử phải được gửi về Ban tổ chức Đại hội trước **16 giờ ngày 09/5/2024 (Thứ Năm)** theo địa chỉ sau:

- Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2024).

- Địa chỉ: Số 14 Tô Hiệu, phường Kinh Dinh, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Điện thoại: (0259) 3832020 **gặp ông Nguyễn Hữu Hùng, điện thoại di động 0944851719**. E-mail: [hungniwaco@gmail.com](mailto:hungniwaco@gmail.com)



### 3. Xét hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử

Công ty chỉ xét những hồ sơ đề cử, ứng cử đủ điều kiện mới được đưa vào danh sách ứng cử viên để công bố tại Đại hội.

## **Chương III** **BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT,** **NHIỆM KỲ 2024-2029**

### **Điều 7. Lựa chọn các ứng viên**

Dựa trên các đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, HĐQT nhiệm kỳ III (2019-2024) lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV (2024-2029).

### **Điều 8. Nguyên tắc bầu cử**

1. Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
2. Bảo đảm tính công khai, dân chủ.

### **Điều 9. Phương thức bầu cử**

1. Bầu cử thành viên HĐQT, BKS thực hiện bỏ phiếu kín trực tiếp tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu (*theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp*).
2. Mỗi cổ đông tham dự Đại hội được Ban tổ chức phát 02 phiếu bầu: một phiếu bầu thành viên HĐQT (màu hồng), một phiếu bầu thành viên BKS (màu xanh). Cổ đông kiểm tra thông tin trên phiếu bầu, nếu sai sót thông báo và nộp phiếu cũ cho Ban kiểm phiếu để cấp lại phiếu bầu mới.
3. Trên phiếu ghi rõ danh sách các ứng viên HĐQT và BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, có dấu treo của Công ty.
4. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS.
5. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên với điều kiện tổng số phiếu bầu cho các ứng viên đó không được cao hơn tổng số phiếu bầu.

*(Phụ lục kèm theo quy chế này Hướng dẫn bầu thành viên HĐQT, BKS)*

### **Điều 10. Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua.
2. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT, BKS
3. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Kiểm tra và công bố danh sách các ứng viên HĐQT, BKS.
- Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế bầu cử và hướng dẫn cách thức bỏ phiếu, tổ chức bầu cử.
- Kiểm phiếu, lập biên bản, công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.
- Cùng Chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại liên quan đến công tác bầu cử (nếu có) và báo cáo để ĐHĐCĐ quyết định.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc tuân thủ quy chế này và tính chính xác của kết quả kiểm phiếu bầu cử.

### **Điều 11. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử**

1. Người trúng cử thành viên HĐQT, BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng thành viên HĐQT và số lượng thành viên BKS quy định.
2. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

### **Điều 12. Lập và công bố biên bản kiểm phiếu**

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu gồm các nội dung sau:
  - Thành phần Ban kiểm phiếu, thời gian, địa điểm lập biên bản.
  - Tổng số phiếu bầu đã phát ra và thu về, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ và số phiếu không nộp về.
  - Kết quả bầu cử.
  - Chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu.
2. Biên bản kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

### **Điều 13. Điều khoản thi hành**

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ áp dụng cho việc ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ IV (2024-2029) tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận./.

#### **Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký.



**Phạm Hữu Sơn**

**Phụ lục**

Kèm theo Quy chế đề cử, ứng cử

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2024-2029)

**HƯỚNG DẪN****Bầu thành viên HĐQT, BKS, nhiệm kỳ IV (2024-2029)****1. Loại phiếu bầu**

Có 02 loại phiếu bầu được in thống nhất để bầu thành viên HĐQT, BKS; có đóng dấu của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận gồm:

- Phiếu màu hồng: Bầu thành viên Hội đồng quản trị.
- Phiếu màu xanh: Để bầu thành viên Ban Kiểm soát.

**2. Bỏ phiếu**

Bầu cử được tiến hành bằng cách bỏ phiếu kín và cổ đông trực tiếp thực hiện việc bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS vào thùng phiếu.

**3. Nguyên tắc bầu cử**

- Mỗi cổ đông có số cổ phần biểu quyết sở hữu nhân với số thành viên được bầu HĐQT (số lượng 5) hoặc BKS (số lượng 3).

- Cổ đông có thể chia tổng số phiếu bầu cho các ứng viên lựa chọn hoặc dồn hết tổng số phiếu biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên, nhưng phải đảm bảo tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông đó và số ứng cử viên mà cổ đông đó lựa chọn để bầu không được vượt quá số ứng viên cần bầu vào thành viên HĐQT, BKS.

- Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 ngày 22/5/2024, Đại hội biểu quyết thông qua chọn:

+ 05 thành viên HĐQT, nhiệm kỳ IV (2024-2029)

(Số quyền bầu thành viên HĐQT = Tổng số cổ phần nắm giữ x 5)

+ 03 thành viên BKS, nhiệm kỳ IV (2024-2029)

(Số quyền bầu thành viên BKS = Tổng số cổ phần nắm giữ x 3)

**Ví dụ minh họa cách bầu:**

Cổ đông A nắm giữ là **1.000 cổ phần** thì số quyền bầu như sau.

+ **Số quyền bầu thành viên HĐQT:  $1.000 \times 5 = 5.000$  phiếu**

+ **Số quyền bầu thành viên BKS:  $1.000 \times 3 = 3.000$  phiếu**

Cổ đông A tiến hành chọn ứng viên bằng cách ghi số phiếu bầu của mình cho ứng viên lựa chọn sao cho **tổng cộng số quyền bầu cho các ứng viên không lớn hơn tổng số phiếu bầu cụ thể như sau:**



**BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

• **Cách 1:** Cổ đông A đánh dấu (X) vào cột số (3) được áp dụng cho 2 hình thức như sau:

☞ **Hình thức 1, số phiếu bầu được chia đều cho từng ứng viên**

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho từng ứng viên hoặc dồn phiếu cho 1 ứng viên (đánh dấu X)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (ghi số phiếu bầu)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Ứng viên A	X	
2	Ứng viên B	X	
3	Ứng viên C	X	
4	Ứng viên D	X	
5	Ứng viên E	X	

☞ **Hình thức 2, số phiếu bầu được dồn hết cho một (01) ứng viên**

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho từng ứng viên hoặc dồn phiếu cho 1 ứng viên (đánh dấu X)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (ghi số phiếu bầu)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Ứng viên A	X	
2	Ứng viên B		
3	Ứng viên C		
4	Ứng viên D		
5	Ứng viên E		

• **Cách 2:** Cổ đông A ghi số phiếu bầu cụ thể cho từng ứng viên vào cột số (4)

☞ **Hình thức ghi số phiếu cho từng ứng viên** (Ví dụ: Nếu ghi cho 02 ứng viên, gồm: Ứng viên A số lượng 3.000 phiếu và Ứng viên B số lượng 2.000 phiếu)

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho từng ứng viên hoặc dồn phiếu cho 1 ứng viên (đánh dấu X)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (ghi số phiếu bầu)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Ứng viên A		3.000
2	Ứng viên B		2.000
3	Ứng viên C		
4	Ứng viên D		
5	Ứng viên E		

**Lưu ý:** Tổng số phiếu bầu HĐQT của cổ đông A không được vượt quá 5.000 phiếu bầu

## BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

• **Cách 1:** Cổ đông A đánh dấu (X) vào cột số (3) được áp dụng cho 2 hình thức như sau:

☒ Hình thức 1, số phiếu bầu được chia đều cho từng ứng viên

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho từng ứng viên hoặc dồn phiếu cho 1 ứng viên (đánh dấu X)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (ghi số phiếu bầu)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Ứng viên A	X	
2	Ứng viên B	X	
3	Ứng viên C	X	

☒ Hình thức 2, số phiếu bầu được dồn hết cho một (01) ứng viên

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho từng ứng viên hoặc dồn phiếu cho 1 ứng viên (đánh dấu X)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (ghi số phiếu bầu)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Ứng viên A	X	
2	Ứng viên B		
3	Ứng viên C		

• **Cách 2:** Cổ đông A ghi số phiếu bầu cụ thể cho từng ứng viên vào cột số (4)

☒ Hình thức ghi số phiếu cho từng ứng viên (Ví dụ: Nếu ghi cho 02 ứng viên, gồm: Ứng viên A số lượng 2.000 phiếu và Ứng viên B số lượng 1.000 phiếu)

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu (chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho từng ứng viên hoặc dồn phiếu cho 1 ứng viên (đánh dấu X)	Bầu số lượng cụ thể cho từng ứng viên (ghi số phiếu bầu)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Ứng viên A		2.000
2	Ứng viên B		1.000
3	Ứng viên C		

Lưu ý: Tổng số phiếu bầu BKS của cổ đông A không được vượt quá 3.000 phiếu bầu

Dự thảo



**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024,**  
**NHIỆM KỲ IV (2024-2029)**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NINH THUẬN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận, đã sửa đổi lần 7 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông qua ngày 27/4/2022;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng thường niên năm 2024, nhiệm kỳ IV (2024-2029) Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận vào ngày 22/5/2024,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023, nhiệm kỳ III (2019 - 2024) và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ IV (2024 - 2029) (tài liệu đính kèm).

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động năm 2023; tổng kết nhiệm kỳ III (2019 - 2024) và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ IV (2024 - 2029) (tài liệu đính kèm).

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2023, nhiệm kỳ III (2019-2024) và kế hoạch năm 2024, phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ IV (2024-2029) của Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận (tài liệu đính kèm).

**1. Một số chỉ tiêu hoạt động chính năm 2023**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ so với KH
1	Nước ghi thu	M <sup>3</sup>	22.018.544	22.793.978	103,52%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	198.323	214.160	107,99%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	51.129	81.095	158,61%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	44.549	72.031	161,69%
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	239.255	265.687	111,05%

## 2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ III (2019-2024)

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Nước ghi thu	M <sup>3</sup>	18.821.726	20.868.770	21.150.298	21.974.595	22.793.978
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	177.121	193.924	196.948	210.499	214.160
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	51.787	59.126	59.201	68.208	81.095
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	45.059	54.063	51.643	59.429	72.031
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	173.496	195.457	210.736	238.953	265.687

## 3. Nhiệm vụ kế hoạch năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tỷ lệ % so với thực hiện năm 2023
1	Nước ghi thu	M <sup>3</sup>	22.793.978	23.036.363	101,06
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	214.160	207.774	97,02
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	81.095	60.719	74,87
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	72.031	53.932	74,87
5	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	265.687	263.725	99,26

**Điều 4.** Thông qua Tờ trình báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán (tài liệu đính kèm).

**Điều 5.** Thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023.

### 1. Phân phối lợi nhuận:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang	21.364.380.838	a
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2023	72.031.789.421	b

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
3	Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	93.396.170.259	$c = (a+b)$
4	Trích lập các quỹ từ LNST năm 2023:	33.916.009.518	$d = e+f+g$
	+ Quỹ đầu tư phát triển (30% LNST)	21.609.536.826	$e = (b * 30\%)$
	+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi. <i>Trong đó:</i>	12.011.615.184	f
	<i>Quỹ khen thưởng</i>	<i>9.011.615.184</i>	
	<i>Quỹ phúc lợi</i>	<i>3.000.000.000</i>	
	+ Quỹ thưởng của viên chức quản lý	294.857.508	g
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	59.480.160.741	$h = c - d$
6	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 47% (tính trên tổng mệnh giá 9.490.841 cổ phần)	44.606.952.700	i
	<i>Cổ tức trên mỗi cổ phần (đồng/cp)</i>	<i>4.700</i>	
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2024	14.873.208.041	$j = h - i$

## 2. Thời điểm chi trả cổ tức:

- Ngày chốt danh sách để chia cổ tức: 11/6/2024
- Ngày chi trả cổ tức: bắt đầu từ ngày 11/7/2024

**Điều 6.** Thông qua Tờ trình quyết toán chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2023 và kế hoạch chi tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2024 (*tài liệu đính kèm*).

**Điều 7.** Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 (*tài liệu đính kèm*).

Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện về các tiêu chí theo quy định của pháp luật và giao cho Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.



**Điều 8.** Thông qua Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 (tài liệu đính kèm).

**Điều 9.** Thông qua Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm, nhiệm kỳ IV (2024 - 2029) (tài liệu đính kèm).

**Điều 10.** Thông qua Tờ trình kế hoạch mua sắm và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 (tài liệu đính kèm).

**Điều 11.** Thông qua Tờ trình kế hoạch thực hiện các dự án trọng tâm 5 năm nhiệm kỳ IV (2024 - 2029) (tài liệu đính kèm).

**Điều 12.** Thông qua Tờ trình miễn nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2019 - 2024) và bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2024 - 2029) (tài liệu đính kèm).

**Điều 13.** Thông qua danh sách ứng viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV (2024-2029)

**1. Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:**

- Ông/Bà .....
- Ông/Bà .....
- Ông/Bà .....
- Ông/Bà .....
- Ông/Bà .....

**2. Danh sách ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát bao gồm:**

- Ông/Bà .....
- Ông/Bà .....
- Ông/Bà .....

**Điều 14.** Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2024 - 2029).

**1. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2024-2029), xếp thứ tự theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp**

TT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ
1			
2			
3			
4			
5			

**2. Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2024-2029), xếp thứ tự theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp**

TT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ
1			
2			
3			

**Điều 15. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, nhiệm kỳ IV (2024-2029) và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội thông qua.

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm giám sát Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- UBND tỉnh Ninh Thuận;
- Sở TT và TT tỉnh Ninh Thuận;
- CBTT website Công ty;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Hữu Sơn**